

KINH 99. TỊNH THIÊN<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại thành Vương xá. Bấy giờ có Tôn giả tên là Tịnh Thiên<sup>2</sup>, từ nước Tỳ-đề-ha du hành trong nhân gian đến trong vườn Am-la tại thành Di-hy-la. Sáng hôm ấy, Tôn giả Tịnh Thiên đắp y mang bát vào thành Di-hy-la khát thực, theo thứ tự khát thực, đi lần đến nhà cũ.

Cũng lúc ấy, mẹ của Tịnh Thiên, tuổi đã già, đang dâng lễ cúng thần lửa tại nhà giữa để cầu sanh lên cõi Phạm thiên, mà không biết Tôn giả Tịnh Thiên đang đứng ngoài cửa. Bấy giờ, Tỳ-sa-môn Thiên vương đối với Tôn giả Tịnh Thiên sanh lòng kính tin cực kỳ. Tỳ-sa-môn Thiên vương, cùng với các hàng Dạ-xoa theo sau, đang nường vào hư không mà đi, thấy Tôn giả Tịnh Thiên đang đứng ngoài cửa; lại thấy trong nhà giữa mẹ Tôn giả đang bưng đồ ăn thức uống dâng cúng thần lửa, mà không thấy con mình đang đứng ngoài cửa. Thấy vậy, từ không trung hạ xuống, đến trước mặt mẹ Tịnh Thiên nói kệ rằng:

*Bà-la-môn-ni này,  
Phạm thiên thật xa vời,  
Vì muốn sanh nơi đó,  
Ở đây thờ cúng lửa.  
Chẳng phải đường Phạm thiên,  
Thờ tự chi vô ích?  
Này Bà-la-môn-ni,  
Tịnh Thiên đứng ngoài cửa,  
Cấu uế đã dứt sạch,  
Là trời trong các trời.  
Vắng lặng không có gì,  
Một mình không tài sản,  
Vì khát thực vào nhà,*

<sup>1</sup>. S. 6. 3. Brahmadeva. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100(265).

<sup>2</sup>. Tịnh Thiên 淨天. Pāli: brāhmaṇiyā brahmadevo nāma... pabbajito, con trai của một nữ Bà-la-môn, tên là Brahmadeva, đã xuất gia.

Là người đáng cúng dường.  
Tịnh Thiên khéo tu thân,  
Ruộng phước tốt Trời, Người,  
Xa lìa tất cả ác,  
Không hề nhiễm, bị nhiễm,  
Đức đồng với Phạm thiên.  
Thân tuy ở nhân gian,  
Mà không nhiễm pháp nào,  
Như rồng đã thuần thực<sup>3</sup>,  
Tỳ-kheo sống chánh niệm,  
Tâm mình khéo giải thoát.  
Nên dâng năm cơm đầu<sup>4</sup>,  
Là ruộng phước tối cao.  
Nên đem tâm chánh tín,  
Kịp thời cúng dường nhanh.  
Nên dự lập hòn đảo,  
Khiến vị lai an lạc.  
Bà xem ẩn sĩ<sup>5</sup> này,  
Đã qua dòng biển khổ.  
Cho nên hãy tín tâm,  
Kịp thời cúng dường nhanh;  
Nên dự lập hòn đảo,  
Khiến vị lai an lạc.  
Thiên vương Tỳ-sa-môn,  
Chỉ bày, bỏ thờ lửa.

Bấy giờ, Tôn giả Tịnh Thiên vì mẹ mình mà nói pháp bằng nhiều cách, soi sáng chỉ bày, làm cho an vui, rồi trở ra đường mà đi.

## M

### KINH 100. PHẬT (1)<sup>6</sup>

- 
3. Hán: thuần thực long 淳熟龍; nên hiểu là “voi chúa đã được khéo huấn luyện”.  
Pāli: nāgavo danto.
  4. Nguyên bản: sơ Phật 初佛. Bản Tống: sơ đoàn 初揣.
  5. Nguyên Hán: mâu-ni 牟尼.

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một Bà-la-môn đến chỗ Phật, cùng thăm hỏi sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Cù-đàm, gọi là Phật, vậy thế nào là Phật? Là tên do cha mẹ đặt, hay là do Bà-la-môn đặt?”

Rồi Bà-la-môn liền nói kệ rằng:

*Phật là tên hơn hết,  
Vượt lên cả thế gian,  
Là do cha mẹ đặt,  
Gọi đó là Phật chăng?*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ đáp rằng:

*Phật thấy đời quá khứ,  
Thấy vị lai cũng vậy,  
Cũng thấy đời hiện tại,  
Tất cả hành khởi diệt,  
Trí sáng biết rõ ràng,  
Điều cần tu đã tu,  
Điều nên đoạn đã đoạn,  
Cho nên gọi là Phật.  
Nhiều kiếp tìm lựa chọn,  
Thuần khổ không chút vui,  
Có sanh ắt có diệt,  
Xa lìa dút bụi nhơ,  
Nhỏ gốc gai kết sử,  
Đẳng giác gọi là Phật.*

Phật nói kệ xong, Bà-la-môn nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

M

KINH 101. PHẬT (2)<sup>7</sup>

---

<sup>6</sup>. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100(266).

<sup>7</sup>. A. iv. 36 Loke. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100(267), N<sup>o</sup>125(38.3).

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, ngồi nghỉ trưa<sup>8</sup> dưới một bóng cây giữa hai thôn Hữu-tùng-ca-đế<sup>9</sup> và Đọa-cưu-la<sup>10</sup>. Lúc ấy có một Bà-la-môn thuộc dòng họ Đậu-ma<sup>11</sup> đang đi trên con đường kia, đến sau Phật. Ông thấy dấu chân Phật hiện ra như bánh xe ngàn căm, dấu chỉ rõ ràng, chỉ bên trong thì đều, vòng chỉ bên ngoài thì tròn, tất cả đều đẹp đẽ và đầy đặn. Thấy vậy, liền tự nghĩ: “Ta chưa từng thấy người thế gian nào mà có dấu chân như vậy. Giờ ta phải theo dấu mà tìm ra người này.”

Ông liền theo dấu chân đưa đến chỗ Phật, thấy Đức Thế Tôn đang ngồi nghỉ trưa dưới một bóng cây, dung mạo đoan nghiêm tuyệt thế, các căn vắng lặng, tâm Ngài an định tịch tĩnh, điều phục đệ nhất, thành tựu chánh quán, ánh sáng rực rỡ, giống như núi vàng.

Sau khi đã thấy vậy rồi, liền bạch:

“Ngài là Trời chăng?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta chẳng phải là Trời.”

Lại hỏi:

“Là Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân chăng?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta chẳng phải Rồng ... cho đến Nhân, Phi nhân.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Nếu bảo rằng chẳng phải Trời, chẳng phải Rồng... cho đến chẳng phải Nhân, chẳng phải Phi nhân, vậy thì Ngài là ai?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ đáp rằng:

*Trời, Rồng, Càn-thát-bà,  
Khẩn-na-la, Dạ-xoa,  
A-tu-la không lành,*

---

<sup>8</sup>. Nguyên bản: nhập tận chánh thọ 入盡正受. Theo bản Tống, sửa lại: nhập trú... 入晝. Pāli: divāvihāra.

<sup>9</sup>. Hữu-tùng-ca-đế 有從迦帝. Bản Tống: Hữu-tử-ca-đế 有徙迦諦. Pāli: Ukkṭṭha.

<sup>10</sup>. Đọa cưu-la 墮鳩羅. Pāli: Setavya.

<sup>11</sup>. Đậu-ma chủng tánh 豆磨種姓. Pāli: Doṇo brāhmaṇo, Bà-la-môn Doṇa.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Những La-hầu-la-già,  
Nhân cùng chẳng phải Nhân,  
Đều do phiền não sanh.  
Lậu hoặc phiền não này,  
Tất cả, Ta đã bỏ,  
Đã phá, đã diệt sạch,  
Như hoa Phân-dà-lợi,  
Tuy sanh từ trong nước,  
Nhưng chưa từng dính nước.  
Ta tuy sanh thế gian,  
Chẳng bị nhiễm thế gian,  
Nhiều kiếp thường lựa chọn,  
Thuần khổ không chút vui.  
Tất cả hành hữu vi,  
Thảy đều bị sanh diệt,  
Trừ nợ, không lay động,  
Đã nhổ sạch gai góc,  
Cùng tốt bờ sanh tử,  
Cho nên gọi là Phật.*

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Đậu-ma nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ hoan hỷ, rồi tiếp tục mà đi.

### M

#### KINH 102. LÃNH QUÂN ĐẶC<sup>12</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Vương xá khát thực, theo thứ tự khát thực, đến nhà Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá<sup>13</sup>. Lúc ấy, Bà-la-môn tay cầm cái thìa gỗ đựng đầy thức ăn, sửa soạn cúng dường lửa, đang đứng ở bên cửa. Từ xa trông thấy Phật đi đến, ông liền gọi Phật rằng:

---

<sup>12</sup>. Sn. 1.7. Vasala. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100(268).

<sup>13</sup>. Bà-la-đậu-bà-giá 婆羅豆婆遮. Pāli: Aggika-Bhāradvāja, Bhāradvāja thờ lửa.

“Hãy dừng lại! Dừng lại! Đây gã tiện dân<sup>14</sup>, chớ đến gần cửa tôi.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ông có biết tiện dân và pháp của tiện dân không?”

Bà-la-môn nói:

“Tôi không biết tiện dân và cũng không biết pháp của tiện dân. Vậy, Sa-môn Cù-đàm có biết tiện dân và pháp của tiện dân không?”

Phật bảo:

“Ta biết rõ về tiện dân và pháp của tiện dân.”

Ngay lúc đó Bà-la-môn để xuống những dụng cụ thờ lửa, vội vàng trái giường ngồi, mời Đức Phật ngồi và thưa rằng:

“Bạch Cù-đàm, xin vì tôi mà nói về tiện dân và pháp của tiện dân.”

Đức Phật liền ngồi vào chỗ ngồi và nói kệ rằng:

*Tâm sân nhuế ôm hận,  
Che giấu các lỗi lầm,  
Khởi ác kiến, phạm giới,  
Dối trá không chân thật;  
Những con người<sup>15</sup> như vậy,  
Nên biết, là tiện dân.  
Hung bạo, tham, bủn xỉn,  
Ác dục, keo, trá ngụy,  
Tâm không hổ, không thẹn,  
Nên biết, là tiện dân.  
Loài một sanh, hai sanh,<sup>16</sup>  
Tất cả đều sát hại,  
Không có lòng thương xót,  
Đó là hạng tiện dân.*

<sup>14</sup>. Nguyên Hán: lãnh quần đặc 領群特: gã chặn bò. Pāli: vasalaka, gã tiện dân, người hèn hạ. Bản Hán đọc là vacchalaka.

<sup>15</sup>. Nguyên Hán: sĩ phu 士夫.

<sup>16</sup>. Nhất sanh, nhị sanh 一生二生. Pāli: ekajam vā dvijam; Số giải: trừ loài sanh trứng, còn lại là loài một (lần) sanh. Hai lần sanh, là loài sanh trứng.

*Hoặc giết, trói, đánh, đập,  
Thôn xóm cùng thành ấp,  
Trách mắng cách vô đạo,<sup>17</sup>  
Biết đó là tiện dân.  
Ở, dừng và đi đường,  
Dẫn đầu một nhóm đông,  
Hành hạ người dưới tay,  
Gây sợ hãi bức hiếp,  
Thủ lợi về cho mình,  
Biết đó là tiện dân.  
Thôn xóm cùng đất trồng,  
Vật có chủ, không chủ,  
Chiếm đoạt làm của mình,  
Biết đó là tiện dân.  
Tự bỏ bê vợ mình,  
Lại không vào nhà điểm,  
Mà xâm đoạt vợ người,  
Biết đó là tiện dân.  
Những thân thuộc trong ngoài,  
Thiện tri thức đồng tâm,  
Xâm phạm vật họ yêu,  
Biết đó là tiện dân.  
Nói dối lừa gạt người,  
Gạt lây của không chúng,  
Người đòi mà không trả,  
Biết đó là tiện dân.  
Vì mình cũng vì người,  
Vì trách, hoặc vì tiền,<sup>18</sup>  
Mà hòa theo lời người,*

---

<sup>17</sup>. Pāli: niggāhako samaññato, kẻ được gọi là áp bức. Bản Hán hiểu niggāhaka là kẻ trách mắng.

<sup>18</sup>. Để bản: (...) cập tài dĩ 及財與 : hoặc vì người cho tiền (mà làm chúng dối). Ấn Thuận theo Tống-Nguyên-Minh sửa lại là (...) cập vô trách 及無責 (không bị quở trách). Pāli: dhanahetu.

Nói dối, chứng cho người;  
Người nói dối như vậy,  
Biết đó là tiện dân.  
Tạo nghiệp ác, bất thiện,  
Không có người hay biết,  
Ẩn giấu che tội ác,  
Biết đó là tiện dân.  
Nếu người hỏi nghĩa này,  
Lại đáp bằng phi nghĩa,  
Điên đảo lừa dối người,  
Biết đó là tiện dân.  
Thật trống, không có gì,  
Mà khinh chê người trí,  
Ngu si vì lợi mình,  
Biết đó là tiện dân.  
Cao mạn tự huênh hoang,  
Đi chê bai người khác,  
Kiêu mạn thật thấp hèn,  
Biết đó là tiện dân.  
Tự tạo các lỗi lầm,  
Lại đổ lỗi người khác,  
Nói dối chê thanh bạch,  
Biết đó là tiện dân.  
Trước nhận lợi dưỡng người,  
Khi người ấy đến mình,  
Không có lòng đền đáp,  
Biết đó là tiện dân.  
Sa-môn, Bà-la-môn,  
Đến khát cầu như pháp,  
Không cho mà quở trách,  
Biết đó là tiện dân.  
Nếu cha mẹ tuổi già,  
Khí lực trẻ đã suy,  
Không chăm lo phụng dưỡng,  
Biết đó là tiện dân.



## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Cha mẹ, bậc tôn trưởng,  
Anh em, quyến thuộc thân.  
Thật không phải La-hán,  
Tự hiện đức La-hán,  
Là giặc lớn thế gian,  
Biết đó là tiện dân.  
Sanh dòng họ tôn quý,  
Học sách Bà-la-môn,  
Mà ở trong chỗ đó,  
Tập làm các nghiệp ác,  
Không vì sanh nơi quý,  
Mà khởi tội, thoát đường ác;  
Hiện tại bị quả trách,  
Đời sau vào đường ác.  
Sanh nhà Chiên-đà-la,  
Đời gọi Tu-đà-di<sup>19</sup>,  
Tiếng đồn khắp thiên hạ,  
Chiên-đà-la không có;  
Bà-la-môn, Sát-lợi,  
Đại tộc, thấy cúng dường.  
Theo đường lên Tịnh thiên<sup>20</sup>,  
Sống bình đẳng chân thật,  
Không vì chỗ sanh chướng,  
Mà không sanh Phạm thiên,  
Hiện tại tiếng đồn tốt,  
Đời sau sanh cõi lành,  
Hai đời ông nên biết,  
Như Ta đã chỉ bày,  
Không vì dòng họ sanh,  
Mà gọi là tiện dân.*

---

<sup>19</sup>. Tu-đà-di 須陀夷 ; có lẽ đồng nhất với Mātanga của Pāli: Bồ-tát sanh làm người Chiên-đà-la (giai cấp hạ tiện) tên là Mātanga, nhưng danh tiếng đồn vang, khiến các nhà đại tộc cũng phải cung kính. Xem Mātanga jāta (N<sup>o</sup>497).

<sup>20</sup>. Tịnh thiên đạo 淨天道 , tức đường dẫn lên Phạm thiên.

*Không vì dòng họ sanh,  
Mà gọi Bà-la-môn.  
Hành nghiệp, thành tiện dân;  
Hành nghiệp, Bà-la-môn.*

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

*Đại Tinh Tấn, đúng vậy!  
Đại Mâu-ni, đúng vậy!  
Không vì chỗ sanh ra,  
Mà gọi là tiện dân,  
Không vì chỗ sanh ra,  
Gọi là Bà-la-môn,  
Hành nghiệp, thành tiện dân;  
Hành nghiệp, Bà-la-môn.*

Bấy giờ, Bà-la-môn thờ lửa Bà-la-đậu-bà-giá càng được thêm tín tâm, bèn lấy bát đựng đầy thức ăn thượng hảo dâng lên Đức Thế Tôn. Thế Tôn không nhận, vì nói bài kệ này mà có được, như bài kệ đã nói trên.

Bấy giờ, Bà-la-môn thờ lửa Bà-la-đậu-bà-giá thấy thức ăn hiện ra điềm lạ (*như kinh 98*) lòng tin của ông càng tăng, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nay con có được phép ở trong Chánh pháp luật xuất gia thọ cụ túc không?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nay ông được phép ở trong Chánh pháp luật xuất gia thọ cụ túc.”

Sau khi được xuất gia rồi, một mình lặng lẽ tư duy (*như trước đã nói ... cho đến đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát*).

Khi Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá đã đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát rồi, thì tự biết được hỷ lạc, liền nói bài kệ rằng:

*Trái đạo, cầu thanh tịnh,  
Cúng dường tế thân lửa,  
Không biết đạo thanh tịnh,  
Như kẻ mù bầm sinh.  
Nay đã được an lạc,*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Xuất gia thọ cụ túc,  
Chứng đạt được ba minh.  
Lời Phật dạy đã làm,  
Trước Bà-la-môn khó,  
Nay là Bà-la-môn,  
Đã tắm, sạch bụi bẩn,  
Vượt chư Thiên bờ kia.<sup>21</sup>*



---

<sup>21</sup>. Bản Hán, “21. Tương ưng Bà-la-môn” đến đây bị cắt ngang do sự rối loạn số quyển. Tương ưng này được nối tiếp với kinh số 1178, quyển 44.